

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:247/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2021

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Ly

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2021/QĐXXST -DS ngày 09 tháng 4 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 224/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 11/TB-TA ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp P.H 1, xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Chị Cao Thị Q (H), sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp P.H 1, xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: ấp Đ.P 1, xã V.T, huyện C.T, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Văn S trình bày, anh quen biết chị Cao Thị Q, tổ chức đám cưới, chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, cả hai sống

hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, thường xuyên mâu thuẫn, không thể hàn gắn, sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay; từ thời điểm đó chị Qu về nhà cha mẹ ruột tại xã V.T, huyện C.T sinh sống cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh Sên xin ly hôn với chị Cao Thị Q.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vĩ H, sinh ngày 12/5/2003 và Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008. Hiện 02 cháu đang sống cùng với anh S, sau khi ly hôn anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Nguyễn Vĩ H và Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008 có văn bản thể hiện ý kiến nếu cha mẹ ly hôn nguyện vọng sống cùng với cha.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản photo giấy CMND Nguyễn Văn S, bản sao sổ hộ khẩu; Bản sao Giấy khai sinh của Nguyễn Vĩ H, sinh ngày 12/5/2003 và Nguyễn Cao Vỹ K; Văn bản trình bày ý kiến của Nguyễn Vĩ H và Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của Nguyễn Văn S, ngày 22/02/2021.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng phía bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập nên không thể tiến hành hòa giải được; chị Q cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh S. Các cháu H, K có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng sống cùng cha.

Tại Công văn số 51/TA-DS ngày 01/3/2021, Tòa án đề nghị yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới cung cấp thông tin tình trạng kết hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Cao Thị Q nhưng không nhận được phúc đáp. Do đó, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn S vắng mặt, có cung cấp đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn với chị Cao Thị Q và có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Bị đơn Cao Thị Q vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Cao Thị Q được triệu

tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

Chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh Sên với chị Quyên quen biết, tìm hiểu, tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh S, chị Q là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, anh S yêu cầu ly hôn, căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận anh Nguyễn Văn S với chị Cao Thị Q là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vĩ H, sinh ngày 12/5/2003 và Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008. Hiện đang sống cùng với anh S, sau khi ly hôn anh S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con. Các cháu Nguyễn Vĩ H và Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008 có văn bản thể hiện ý kiến nếu cha mẹ ly hôn nguyện vọng sống cùng với cha. Thời điểm xét xử, cháu Vĩ H đã thành niên. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các cháu nên để anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; do anh S không yêu cầu, ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

Không công nhận anh Nguyễn Văn S và chị Cao Thị Q là vợ chồng.

Anh Nguyễn Văn S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Vĩ H, sinh ngày 12/5/2003 và Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008. Chị Cao Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, nguyện vọng nuôi con chung được xác định là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Cao Thị Q, sinh năm 1985, nơi cư trú tại xã K.T, huyện C.M, tỉnh An Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án huyện C.M, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 30/7/2021, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa.

Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 18/8/2021, Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo dời thời gian xét xử, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: anh S, chị Q quen biết, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tự tìm hiểu, không ai lừa dối hay ép buộc, anh S xác định anh và chị Q không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh S, chị Q không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Anh S, chị Q chung sống với nhau từ năm 2000, anh S xác định không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì mâu thuẫn trở nên căng thẳng, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau trong tình cảm, thiếu trách nhiệm trong cuộc sống gia đình, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng; đã hơn 01 năm nay, chị Q đã về nhà cha mẹ ruột tại huyện C.T sinh sống và đi làm ăn xa và từ thời điểm đó không còn quan tâm, liên lạc với anh S cho đến nay.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhiều lần triệu tập đến các phiên hòa giải nhưng chị Q đều vắng mặt, điều này thể hiện chị Q không có thiện chí mong muốn hàn gắn, không mong muốn tiếp tục chung sống với anh S; hiện nay, anh S, chị Q vẫn sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, cuộc sống riêng lẻ của từng người, không còn mục tiêu để xây dựng một gia đình mà ở đó có sự chia sẻ, chăm sóc, yêu thương, quan tâm lẫn nhau.

Tại biên bản xác minh của Tòa án vào ngày 14/7/2021, thể hiện chị Cao Thị Q vẫn còn đăng ký thường trú tại ấp P.H 1, xã K.T, huyện C.M vẫn chưa chuyển khẩu đến nơi khác.

Từ những phân tích trên, có căn cứ cuộc sống chung giữa anh Nguyễn Văn S và chị Cao Thị Q không còn hạnh phúc, mục đích đời sống chung không đạt được. Anh S, chị Q không đăng ký kết hôn theo quy định nên áp dụng Điều 9, Điều 14

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận anh Nguyễn Văn S với chị Cao Thị Q là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh S và chị Q có 02 con chung Nguyễn Vĩ H, sinh ngày 12/5/2003 và Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008, từ khi chị Q bỏ đi, 02 cháu sống cùng với anh S do anh S nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường về mọi mặt, đến phiên tòa hôm nay cháu H đã thành niên, cháu K có nguyện vọng sống cùng với cha. Do đó, để ổn định cuộc sống cho các cháu nên để anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh; do anh S không yêu cầu, ý kiến về cấp dưỡng nuôi con; chị Q cũng không có ý kiến phản hồi vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28; Điều 35, 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận anh Nguyễn Văn S và chị Cao Thị Q là vợ chồng.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Cao Vỹ K, sinh ngày 28/01/2008. Chị Cao Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, Tòa án không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng anh S đã nộp theo biên

lai thu tiền số 0006067 ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; anh S đã nộp xong.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn S có đơn xin vắng mặt và chị Cao Thị Q vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã K.T, huyện Chợ Mới, An Giang.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong

